

Số: 1803/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức
Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ kế hoạch số 65/KH-SGDĐT ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025;

Căn cứ Kết quả kiểm tra, sát hạch thí sinh dự Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức trong Kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025, cụ thể:

1. Số thí sinh trúng tuyển: 48
2. Số thí sinh không trúng tuyển: 41
3. Số thí sinh bỏ thi: 16

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng, Phòng Tổ chức cán bộ - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc Sở (có liên quan) thực hiện các thủ tục tuyển dụng viên chức theo đúng quy định của pháp luật.



Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- HĐTD, BGS;
- Thí sinh dự Vòng 2;
- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở GDĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCBTC.



GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải



DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1803/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm vòng 2	Tổng điểm xét tuyển	Chỉ tiêu	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
1. PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk Glong													
1	099	Nguyễn Hoài Nam	16/1/1993	Kinh	Giáo viên GD Thể chất	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Glong			77,5	77,5	1	Trúng tuyển	
2. PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil													
2	076	H Thoái Ayün	5/2/2002	Ê đê	Giáo viên Địa lí	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil	DTTS	5	33,5	38,5	1		
3	077	Nguyễn Thị Duyên	28/8/1992	Kinh	Giáo viên Địa lí	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil			83,5	83,5		Trúng tuyển	
4	078	Trần Thị Trâm	25/9/1990	Kinh	Giáo viên Địa lí	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Mil			47,5	47,5			
3. PT DTNT THCS và THPT huyện Đắk Song													
5	079	Phan Thị Thủy Hằng	28/9/1999	Kinh	Giáo viên Địa lí	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Song			79,5	79,5	1		
6	080	H' Huệ Buôn Yă	20/2/1999	M' Nong	Giáo viên Địa lí	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Song	DTTS	5	86	91		Trúng tuyển	
7	081	Phan Thảo Quyên	29/1/2003	Kinh	Giáo viên Địa lí	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Song							Vắng vòng 2
8	068	Phạm Thị Duyên	10/6/1992	Kinh	Giáo viên Lịch sử	PTDTNT THCS và THPT huyện Đắk Song			82,5	82,5	1	Trúng tuyển	
4. PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức													
9	027	Nguyễn Thu Hà	28/3/1995	Kinh	Giáo viên Hóa học	PTDTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức			82	82	1	Trúng tuyển	
10	028	Trần Thúy Quỳnh	5/6/2002	Kinh	Giáo viên Hóa học	PTDTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức			53	53			
11	029	Nguyễn Huyền Thương	28/7/1990	Kinh	Giáo viên Hóa học	PTDTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức							Vắng vòng 2
5. PT DTNT THCS và THPT huyện Krông Nô													
12	034	Chu Thị Đình	15/7/1990	Nùng	Giáo viên Sinh học	PTDTNT THCS và THPT huyện Krông Nô	DTTS	5	70,5	75,5	1	Trúng tuyển	
13	035	Nguyễn Thị Ly Dương	1/1/1993	Kinh	Giáo viên Sinh học	PTDTNT THCS và THPT huyện Krông Nô			39,5	39,5			
14	036	Tô Thị Bích Thu	21/8/1989	Tày	Giáo viên Sinh học	PTDTNT THCS và THPT huyện Krông Nô	DTTS	5	46	51			
15	008	Nguyễn Nữ Thảo Vy	7/11/2002	Kinh	Giáo viên Toán	PTDTNT THCS và THPT huyện Krông Nô			75	75	1	Trúng tuyển	
6. THCS và THPT Quảng Hòa													
16	082	K Bảy	20/9/1990	Mạ	Giáo viên GDKTPL	THCS&THPT Quảng Hòa	DTTS	5	36,5	41,5	1		
17	083	Sùng A Hại	1/10/2000	Hmông	Giáo viên GDKTPL	THCS&THPT Quảng Hòa	DTTS Đã Đào tạo sĩ	5	71	76		Trúng tuyển	
18	053	Nguyễn Thị Diễm	3/3/1996	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa			93,25	93,25			Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm vòng 2	Tổng điểm xét tuyển	Chỉ tiêu	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
19	054	Nguyễn Thị Dung	14/3/1995	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa			94	94	2	Trúng tuyển	
20	055	Phạm Thị Hạnh	12/11/1993	Mường	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa	DTTS	5	65,5	70,5			
21	056	Nguyễn Thị Nga	11/4/1994	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa							Vắng vòng 2
22	057	Nguyễn Thị Toàn	6/5/1988	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa			53,5	53,5			
23	058	Phan Thị Tuyết Trinh	15/8/1992	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa			33,25	33,25			
24	059	H Wiak Kbuok	12/10/1988	Ê Đê	Giáo viên Ngữ văn	THCS&THPT Quảng Hòa	DTTS	5	65,5	70,5			
25	001	Vũ Thị Minh Duy	10/4/1992	Kinh	Giáo viên Toán	THCS&THPT Quảng Hòa			92	92	1	Trúng tuyển	
26	002	Nguyễn Thị Kiều Oanh	15/8/1994	Kinh	Giáo viên Toán	THCS&THPT Quảng Hòa			60	60			
27	003	Nguyễn Minh Tài	22/1/2001	Kinh	Giáo viên Toán	THCS&THPT Quảng Hòa			52	52			
28	021	Dương Thị Thu An	7/1/2002	Kinh	Giáo viên Vật lí	THCS&THPT Quảng Hòa			81	81	1		
29	022	Kiều Thị Kim Phương	25/12/1997	Kinh	Giáo viên Vật lí	THCS&THPT Quảng Hòa			88	88		Trúng tuyển	
30	023	Long Thị Thu	10/10/1990	Nùng	Giáo viên Vật lí	THCS&THPT Quảng Hòa	DTTS	5	70	75			
7. THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh													
31	069	Lô Thị Quyên	7/2/1992	Thái	Giáo viên Lịch sử	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	DTTS	5	76,5	81,5	1	Trúng tuyển	
32	061	Trịnh Thị Thanh Hiền	13/11/1993	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh					1		Vắng vòng 2
33	062	Nguyễn Hồng Kiều Ninh	2/9/2001	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh			94,5	94,5		Trúng tuyển	
34	087	Trương Thị Hồng Ánh	30/9/2003	Tày	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	DTTS	5	96	101	1	Trúng tuyển	
35	088	La Thị Huế	28/10/1994	Nùng	Giáo viên Tiếng Anh	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	DTTS	5	76,5	81,5			
36	089	Lê Thị Minh Liễu	13/4/2003	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh			69	69			
8. THPT Đắk Mil													
37	084	Phạm Thị Diễm Quỳnh	2/2/2002	Kinh	Giáo viên GDKTPL	THPT Đắk Mil			75,5	75,5	1	Trúng tuyển	
38	047	Cao Thị Phương Anh	3/1/1997	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Đắk Mil			38	38	1		
39	048	Phạm Thị Luyến	14/8/1993	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Đắk Mil			86	86		Trúng tuyển	
9. THPT Krông Nô													
40	100	Hoàng Gia Quyên	12/11/1994	Kinh	Giáo viên GD Thể chất	THPT Krông Nô			82,5	82,5	1	Trúng tuyển	
41	063	H' Bơ Niê	19/9/1995	M' Nong	Giáo viên Ngữ văn	THPT Krông Nô	DTTS	5	76	81			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm vòng 2	Tổng điểm xét tuyển	Chỉ tiêu	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
42	064	Tô Thị Hương	28/6/1987	Tày	Giáo viên Ngữ văn	THPT Krông Nô	DTTS	5	25	30	1		
43	065	Hồ Thị Xuân Thủy	18/3/1989	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THPT Krông Nô			91	91		Trúng tuyển	
44	066	Hoàng Thị Huyền Trang	29/12/2003	Nùng	Giáo viên Ngữ văn	THPT Krông Nô	DTTS	5	75,5	80,5			
10. THPT Lê Duẩn													
45	101	Lê Văn Tuấn Anh	7/8/1994	Kinh	Giáo viên GD Thể chất	THPT Lê Duẩn			82,5	82,5	1	Trúng tuyển	
46	085	Hoàng Thị Nhâm	05/07/1998	Tày	Giáo viên GDKTPL	THPT Lê Duẩn	DTTS	5	80	85	1	Trúng tuyển	
47	067	Lê Thị Nhã Phương	25/3/1999	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THPT Lê Duẩn			83,5	83,5	1	Trúng tuyển	
48	037	Võ Thị Tuyết Nga	27/8/1985	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Lê Duẩn			93,5	93,5	2	Trúng tuyển	
49	038	Phạm Huy Quang	17/11/1986	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Lê Duẩn			85	85		Trúng tuyển	
50	039	Nguyễn Thị Minh Trúc	8/10/1996	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Lê Duẩn			48	48			
51	049	Lữ Thị Linh	15/6/1993	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Lê Duẩn	Con thương binh	5	29	34			
52	004	Phan Đình Dân	20/2/1999	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Lê Duẩn			50	50	1		
53	005	Võ Duy Đăng	12/6/2002	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Lê Duẩn							Vắng vòng 2
54	006	Võ Thị Nhạn	6/12/1997	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Lê Duẩn			90	90		Trúng tuyển	
55	007	Võ Minh Thủ	5/1/2000	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Lê Duẩn							Vắng vòng 2
56	014	Phạm Thị Mai Anh	13/8/1996	Kinh	Giáo viên Vật lí	THPT Lê Duẩn			76	76	1	Trúng tuyển	
57	015	Dương Thị Lan	22/4/1990	Kinh	Giáo viên Vật lí	THPT Lê Duẩn							Vắng vòng 2
11. THPT Lê Quý Đôn													
58	070	Đinh Thanh Hải	30/10/1990	Kinh	Giáo viên Lịch sử	THPT Lê Quý Đôn	Con người nhiễm chất độc hóa học	5	68,5	73,5	2		
59	071	Nguyễn Thị Hoà	1/1/1995	Kinh	Giáo viên Lịch sử	THPT Lê Quý Đôn			81	81		Trúng tuyển	
60	072	Lê Thị Quyên	7/11/1995	Kinh	Giáo viên Lịch sử	THPT Lê Quý Đôn			75,5	75,5		Trúng tuyển	
61	073	Vũ Thị Thu Trang	15/6/1992	Kinh	Giáo viên Lịch sử	THPT Lê Quý Đôn			74	74			
62	093	Hồ Thị Diễm	28/2/1990	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn			91	91	1	Trúng tuyển	
63	094	Nguyễn Thị Huyền	10/2/1995	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Lê Quý Đôn			66,5	66,5			
64	009	Hoàng Thị Dương	15/2/1989	Nùng	Giáo viên Toán	THPT Lê Quý Đôn	DTTS	5	86	91	1	Trúng tuyển	
65	010	Nguyễn Quốc Nam	25/6/1989	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Lê Quý Đôn			48,5	48,5			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm vòng 2	Tổng điểm xét tuyển	Chỉ tiêu	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
66	011	Phạm Thị Anh Thư	28/2/2002	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Lê Quý Đôn			50	50			
12. THPT Lương Thế Vinh													
67	042	Ngô Thị Xuyên	24/10/1989	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Lương Thế Vinh			91	91	1	Trúng tuyển	
68	090	Nguyễn Thị Linh Đan	16/10/1999	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Lương Thế Vinh			96	96	1	Trúng tuyển	
69	091	Lương Thị Thành Huyền	1/8/1993	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Lương Thế Vinh	DTTS	5					Vắng vòng 2
70	092	Từ Anh Thương	20/4/2002	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Lương Thế Vinh							Vắng vòng 2
13. THPT Nguyễn Đình Chiểu													
71	060	Nguyễn Thị Thơm	20/11/1990	Kinh	Giáo viên Ngữ văn	THPT Nguyễn Đình Chiểu			83	83	1	Trúng tuyển	
72	050	Trần Thị Thu Thủy	13/9/1993	Kinh	Giáo viên Tin học	THPT Nguyễn Đình Chiểu			71	71	1	Trúng tuyển	
73	016	Ngô Thị Thùy Dung	16/7/1987	Kinh	Giáo viên Vật lý	THPT Nguyễn Đình Chiểu			69	69	1	Trúng tuyển	
14. THPT Nguyễn Du													
74	030	Đoàn Quỳnh Như	24/6/2003	Kinh	Giáo viên Hóa học	THPT Nguyễn Du			48	48	1		
75	031	Ngô Thị Trâm	10/6/1994	Kinh	Giáo viên Hóa học	THPT Nguyễn Du							Vắng vòng 2
76	032	Trần Đình Tuấn	19/5/2000	Kinh	Giáo viên Hóa học	THPT Nguyễn Du	Hoàn thành Nghĩa vụ quân sự	2,5	45	47,5			
77	033	Trần Thị Yến Vy	23/6/1996	Kinh	Giáo viên Hóa học	THPT Nguyễn Du			88	88		Trúng tuyển	
78	040	Nguyễn Thị Thanh Lộc	1/6/1999	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Nguyễn Du			58,5	58,5	1		
79	041	Nguyễn Thị Thu Trúc	4/9/1992	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Nguyễn Du			73	73		Trúng tuyển	
15. THPT Nguyễn Tất Thành													
80	043	Nguyễn Thu Huyền	17/12/2003	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành			37,5	37,5	1		
81	044	Nguyễn Bé Khỏe	10/9/1990	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành							Vắng vòng 2
82	045	Trương Thị Mỹ Quyên	19/12/1998	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành			88	88		Trúng tuyển	
83	046	Nguyễn Thị Thu	1/8/2003	Kinh	Giáo viên Sinh học	THPT Nguyễn Tất Thành			58	58			
16. THPT Phan Đình Phùng													
84	012	Hà Thị Hương	27/9/1993	Tây	Giáo viên Toán	THPT Phan Đình Phùng	DTTS	5	78,5	83,5	1	Trúng tuyển	
85	013	Huỳnh Tấn Hường	23/2/1997	Kinh	Giáo viên Toán	THPT Phan Đình Phùng			15	15			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm vòng 2	Tổng điểm xét tuyển	Chỉ tiêu	Kết quả xét tuyển	Ghi chú
17. THPT Quang Trung													
86	095	Phạm Ngọc Anh	28/9/2002	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Quang Trung					1		Vắng vòng 2
87	096	Nguyễn Thị Hiền Lương	23/4/1997	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Quang Trung			46	46			
88	097	La Đoàn Minh Nghi	5/12/2003	Tày	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Quang Trung	DTTS	5					Vắng vòng 2
89	098	Nguyễn Thị Thùy Trang	1/9/1998	Kinh	Giáo viên Tiếng Anh	THPT Quang Trung			93	93		Trúng tuyển	
90	017	Nguyễn Quốc Hoạt	6/9/1995	Kinh	Giáo viên Vật lí	THPT Quang Trung			50	50	1		
91	018	Nguyễn Thị Ngọc Linh	29/6/1998	Kinh	Giáo viên Vật lí	THPT Quang Trung			77	77		Trúng tuyển	
18. THPT Trường Chinh													
92	102	Điền Đông	25/6/2003	Mnông	Giáo viên GD Thể chất	THPT Trường Chinh	DTTS	5			1		Vắng vòng 2
93	103	Nguyễn Minh Lý	20/9/1992	Kinh	Giáo viên GD Thể chất	THPT Trường Chinh			57,5	57,5			
94	104	Trần Thị Như Quỳnh	6/6/1995	Kinh	Giáo viên GD Thể chất	THPT Trường Chinh							Vắng vòng 2
95	105	Tôn Đức Tinh	2/12/2000	Kinh	Giáo viên GD Thể chất	THPT Trường Chinh			91	91		Trúng tuyển	
96	086	Nguyễn Thị Thảo	8/10/1993	Kinh	Giáo viên GDKTPL	THPT Trường Chinh	Con thương binh	5	82	87	1	Trúng tuyển	
19. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Mil													
97	074	Lương Thị Miên	18/4/1988	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Mil	DTTS	5	77,5	82,5	1	Trúng tuyển	
98	019	Lê Văn Dương	9/4/1997	Kinh	Giáo viên Vật lí	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Mil			79	79	1	Trúng tuyển	
99	020	Y Quốc	11/11/2003	Mnông	Giáo viên Vật lí	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk Mil	DTTS	5	51	56			
20. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk R'Lấp													
100	075	Nguyễn Trọng Tuyển	13/3/1981	Kinh	Giáo viên Lịch sử	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk R'Lấp			78,5	78,5	1	Trúng tuyển	
101	051	Trần Minh Công	21/11/1991	Kinh	Giáo viên Tin học	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk R'Lấp			69,5	69,5	1	Trúng tuyển	
102	052	Nguyễn Ngọc Diệu	29/11/1989	Kinh	Giáo viên Tin học	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đắk R'Lấp							Vắng vòng 2
21. Trung tâm GDNN-GDTX huyện Krông Nô													
103	024	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	2/1/2003	Kinh	Giáo viên Vật lí	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Krông Nô			81	81	1		
104	025	Ngô Thị Nga	30/10/1998	Kinh	Giáo viên Vật lí	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Krông Nô			90,5	90,5		Trúng tuyển	
105	026	Phạm Đình Sanh	10/2/1989	Kinh	Giáo viên Vật lí	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Krông Nô			61	61			

Danh sách gồm có 105 thí sinh./.